

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG QUỐC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 – 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 | 6 – 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 | 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc | 10 – 20 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Phú Quốc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Ông Trần Thọ Thắng | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Hôn | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đình Chân | Thành viên |
| Ông Cao Hữu Minh Nhật | Thành viên |
| Ông Trương Đức Hiếu | Thành viên |
| Ông Bùi Văn Dũng | Thành viên |
| Ông Lê Hùng Dũng | Thành viên |
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên |
| Ông Thái Ngọc Hùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thành Bích | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Từ Thiện | Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo soát xét kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 74.622.006 VND và hoạt động của Công ty không có lãi từ năm 2016 đến nay. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



Nguyễn Từ Thiện

Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Số: 19.708/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Phú Quốc, được lập ngày 30 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Phú Quốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã nêu ở Mục 4.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính với số dự phòng ước tính là 3.095.849.493 VND.

Như đã nêu ở Mục 4.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có khoản tạm ứng cho các đội thi công đã quá hạn thanh toán nhưng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính với số dự phòng ước tính là 4.345.461.573 VND.

Các vấn đề nêu trên đã ảnh hưởng đến các số liệu trên Báo cáo tài chính đính kèm như sau:

Trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2019:

- Chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (mã số 137) tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã giảm đi một khoản 7.441.311.066 VND;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã tăng thêm một khoản là 7.441.311.066 VND.

Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019:

- Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã giảm đi một khoản là 7.441.311.066 VND;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 60) cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã tăng thêm một khoản 7.441.311.066 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 74.622.006 VND và hoạt động kinh doanh của Công ty không có lãi trong nhiều năm. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong mục 2.5, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 30/06/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
|--|------------|-----|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 19.435.407.325 | 19.185.728.998 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 207.669.887 | 62.616.461 |
| 1. Tiền | 111 | | 207.669.887 | 62.616.461 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 19.223.835.099 | 19.088.597.240 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.2 | 3.616.813.124 | 3.596.938.124 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 393.350.000 | 393.350.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.3 | 15.213.671.975 | 15.098.309.116 |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.902.339 | 34.515.297 |
| 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.7 | 3.902.339 | 34.515.297 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 29.135.911.408 | 29.163.107.104 |
| I. Tài sản cố định | 220 | 4.5 | 107.253.949 | 126.752.679 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 107.253.949 | 126.752.679 |
| Nguyên giá | 222 | | 677.698.909 | 1.370.870.151 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (570.444.960) | (1.244.117.472) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 28.931.490.589 | 28.931.490.589 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 4.4 | 28.931.490.589 | 28.931.490.589 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 97.166.870 | 104.863.836 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 90.841.256 | 98.538.222 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 6.325.614 | 6.325.614 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 48.571.318.733 | 48.348.836.102 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01a- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 30/06/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
|---|------------|------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 34.710.029.331 | 33.997.871.705 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 19.510.029.331 | 18.797.871.705 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 75.000.000 | 38.814.647 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 4.6 | 4.639.417.613 | 4.327.441.113 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.7 | 1.151.886 | 1.151.886 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 494.903.497 | 494.903.497 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 4.8 | 8.833.986.694 | 8.973.944.423 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.9 | 5.465.569.641 | 4.961.616.139 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 15.200.000.000 | 15.200.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 4.9 | 15.200.000.000 | 15.200.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 13.861.289.402 | 14.350.964.397 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.10 | 13.861.289.402 | 14.350.964.397 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 21.040.000.000 | 21.040.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 21.040.000.000 | 21.040.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 225.127.256 | 225.127.256 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (7.403.837.854) | (6.914.162.859) |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | (6.914.162.859) | (4.546.768.341) |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (489.674.995) | (2.367.394.518) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 48.571.318.733 | 48.348.836.102 |

Phê duyệt



Nguyễn Từ Thiện

Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Chí Cường

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|--------|---------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 4.11 | 398.153.636 | 767.972.502 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 398.153.636 | 767.972.502 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 4.12 | 312.682.224 | 985.749.513 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 85.471.412 | (217.777.011) |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 116.136 | 574.899 |
| 6. Chi phí bán hàng | 25 | | - | 110.000.000 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 4.13 | 621.029.735 | 789.239.119 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (535.442.187) | (1.116.441.231) |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 50.000.000 | - |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 4.232.808 | 1.953.397 |
| 11. Lợi nhuận khác | 40 | | 45.767.192 | (1.953.397) |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (489.674.995) | (1.118.394.628) |
| 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (489.674.995) | (1.118.394.628) |
| 14. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 70 | 4.10.4 | (233) | (532) |

Phê duyệt



Nguyễn Từ Thiện
Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Chí Cường
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|------|----------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (489.674.995) | (1.118.394.628) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 4.14 | 19.498.730 | 60.357.150 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (50.116.136) | (574.899) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (520.292.401) | (1.058.612.377) |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (104.392.629) | (575.615.042) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 712.157.626 | 1.974.417.786 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 7.696.966 | 11.663.636 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 95.169.562 | 351.854.003 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 50.000.000 | - |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | (116.136) | 574.899 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 49.883.864 | 574.899 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM | 50 | | 145.053.426 | 352.428.902 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 62.616.461 | 1.925.649.389 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 4.1 | 207.669.887 | 2.278.078.291 |



Nguyễn Từ Thiện
Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Chí Cường
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Phú Quốc (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5603000164 ngày 09 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 05 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 143 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 500.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 11 người (31/12/2018: 14 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn và thi công công trình xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn pháp lý về đầu tư: Tư vấn thành lập Doanh nghiệp, tư vấn pháp lý về điều kiện và thủ tục đầu tư tại Phú Quốc, các chế độ chính sách ưu đãi khi đầu tư trên địa bàn;
- Hoạt động kiến trúc
- Hoạt động đo đạc bản đồ
- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật (lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý, đấu thầu, điều hành dự án, chỉ huy trưởng công trường, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, thiết kế hệ thống điện trong các công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế phòng cháy chữa cháy...);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thăm tra hồ sơ tư vấn, thí nghiệm địa chất công trình, địa chất thủy văn, kiểm định vật liệu xây dựng, kiểm định giá xây dựng, kiểm định công trình xây dựng...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (khu thể thao ngoài trời, sân golf...);
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị chuyên ngành môi trường...);
- Bán buôn sắt, thép, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bán buôn sơn, vecni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn hóa chất khác;
- Bán lẻ kính xây dựng;
- Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh khách sạn, hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (bãi biển, du thuyền, lặn ngắm san hô và thăm cò biển...);
- Điều tra khảo sát, đo đạc, tư vấn lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng;
- Dịch vụ tư vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường; và
- Kinh doanh bất động sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 74.622.006 VND và hoạt động kinh doanh của Công ty không có lãi trong nhiều năm. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ 2019 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 186.108.195 | 21.188.154 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 21.561.692 | 41.428.307 |
| Cộng | 207.669.887 | 62.616.461 |

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.15 | 97.129.176 | 42.129.176 |
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Ban đền bù giải tỏa huyện Phú Quốc | 706.549.811 | 706.549.811 |
| Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh Kiên Giang | 518.749.000 | 518.749.000 |
| Công ty TNHH SX- TM –DV Thế Kỷ Xanh | 600.000.504 | 600.000.504 |
| Các khách hàng khác | 1.694.384.633 | 1.729.509.633 |
| Cộng | 3.616.813.124 | 3.596.938.124 |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản nợ phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán chưa thu hồi được là 3.095.849.493 VND. Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này là thấp vì các khoản công nợ này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng vẫn chưa thu hồi được.

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | | Tại ngày 01/01/2019 VND | |
|-----------------------------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng thi công công trình | 14.750.014.456 | - | 14.650.014.456 | - |
| Phải thu khác | 463.657.519 | - | 448.294.660 | - |
| Cộng | 15.213.671.975 | - | 15.098.309.116 | - |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản tạm ứng cho các đội thi công đã quá hạn nhưng chưa thu hồi được là 4.345.461.573 VND. Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này là thấp vì các khoản tạm ứng này đã kéo dài nhiều năm nhưng vẫn chưa thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng cho các cá nhân nhưng chưa hoàn tất chuyển quyền sử dụng đất để thực hiện dự án "Khu biệt thự nghỉ dưỡng tại Khu phố 5" thuộc Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Cộng VND |
|----------------------------|--------------------------|---|--------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 677.698.909 | 693.171.242 | 1.370.870.151 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (693.171.242) | (693.171.242) |
| Tại ngày 30/06/2019 | 677.698.909 | - | 677.698.909 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 550.946.230 | 693.171.242 | 1.244.117.472 |
| Khấu hao trong năm | 19.498.730 | - | 19.498.730 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (693.171.242) | (693.171.242) |
| Tại ngày 30/06/2019 | 570.444.960 | - | 570.444.960 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 126.752.679 | - | 126.752.679 |
| Tại ngày 30/06/2019 | 107.253.949 | - | 107.253.949 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 405.320.273 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|--|--|--|
| Công ty TNHH Nam Bá | 1.165.000.000 | 1.165.000.000 |
| Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thương mại Đại Cát Hoàng Long | 334.101.382 | 334.101.382 |
| Công ty CP Bất động sản Khải Hoàn Land | 263.700.000 | 263.700.000 |
| Công ty CP Đầu tư Kiên trúc Xây dựng Toàn Thắng | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Các khách hàng khác | 2.576.616.231 | 2.264.639.731 |
| Cộng | <u>4.639.417.613</u> | <u>4.327.441.113</u> |

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 30/06/2019 | | Trong kỳ | | Tại ngày 01/01/2019 | |
|-----------------------|---------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------------------|------------------|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Phải thu | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.902.339 | - | 30.612.958 | - | 34.515.297 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 1.151.886 | 15.362.859 | 15.362.859 | - | 1.151.886 |
| Cộng | 3.902.339 | 1.151.886 | 45.975.817 | 15.362.859 | 34.515.297 | 1.151.886 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là khoản trích trước chi phí nhân công, vật tư.

4.9. Phải trả khác

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Phải trả tiền thi công công trình | 4.609.362.281 | 4.455.408.779 |
| Phải trả khác là bên liên quan – Xem thêm mục 4.15 | 840.000.000 | 490.000.000 |
| Phải thu khác | 16.207.360 | 16.207.360 |
| Cộng | 5.465.569.641 | 4.961.616.139 |
| Dài hạn: | | |
| Nhận góp vốn dự án BCC (*) – Xem thêm mục 4.15 | 15.200.000.000 | 15.200.000.000 |

(*) Theo hợp đồng nguyên tắc số 06/2009/HĐNT ngày 24 tháng 09 năm 2009, giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Phú Quốc và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang về việc hợp tác đầu tư dự án “Khu biệt thự nghỉ dưỡng tại Khu phố 5” thuộc Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án dự kiến là 80.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn là 50/50 cho mỗi bên trên tổng giá trị vốn đầu tư của Hợp đồng. Tiến độ góp vốn cụ thể được thực hiện sau khi Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 50 năm, tương ứng với thời hạn của Giấy phép đầu tư.

4.10. Vốn chủ sở hữu**4.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
|----------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--|-----------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
| Số dư tại ngày 01/01/2018 | 21.040.000.000 | 225.127.256 | (2.518.537.739) | 18.746.589.517 |
| Lỗi trong 6 tháng đầu năm trước | - | - | (1.118.394.628) | (1.118.394.628) |
| Số dư tại ngày 30/06/2018 | 21.040.000.000 | 225.127.256 | (5.665.162.969) | 15.599.964.287 |
| Lỗi trong 6 tháng cuối năm trước | - | - | (1.248.999.890) | (1.248.999.890) |
| Số dư tại ngày 01/01/2019 | 21.040.000.000 | 225.127.256 | (6.914.162.859) | 14.350.964.397 |
| Lỗi trong 6 tháng đầu năm nay | - | - | (489.674.995) | (489.674.995) |
| Tại ngày 30/06/2019 | 21.040.000.000 | 225.127.256 | (7.403.837.854) | 13.861.289.402 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty CP Tập Đoàn Tư vấn Đầu tư Xây Dựng Kiên Giang | 11.800.000.000 | 8.800.000.000 |
| BQL Đầu tư Phát Triển Đảo Phú Quốc | - | 3.000.000.000 |
| Công ty DVHK Sân Bay TNS | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Công ty CP DVDL TM Đại Cát Hoàng Long | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Tổng Công ty Phát Triển Nhà và Đô thị | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Công Ty TNHH Kiến Trúc A.T.A | 840.000.000 | 840.000.000 |
| Cộng | 21.040.000.000 | 21.040.000.000 |

4.10.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 30/06/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 2.104.000 | 2.104.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 2.104.000 | 2.104.000 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.10.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|---------------|-----------------|
| Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty | (489.674.995) | (1.118.394.628) |
| Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (489.674.995) | (1.118.394.628) |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 2.104.000 | 2.104.000 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | (233) | (532) |

4.11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn | 398.153.636 | 406.580.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công | - | 361.392.502 |
| Cộng | 398.153.636 | 767.972.502 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Giá vốn hàng bán**

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ tư vấn | 312.682.224 | 660.229.169 |
| Giá vốn của dịch vụ thi công | - | 325.520.344 |
| Cộng | 312.682.224 | 985.749.513 |

4.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 399.397.511 | 675.346.500 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 7.696.966 | 11.663.636 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 19.498.730 | 60.357.150 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | 191.436.528 | 38.871.833 |
| Cộng | 621.029.735 | 789.239.119 |

4.14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|----------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.696.966 | 390.270.964 |
| Chi phí nhân công | 712.079.735 | 1.215.079.150 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.498.730 | 60.357.150 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 67.409.535 |
| Chi phí khác bằng tiền | 194.436.528 | 41.871.833 |
| Cộng | 933.711.959 | 1.774.988.632 |

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty CP Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang Công ty mẹ
2. Thành viên HĐQT và Giám đốc Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |
|--|--|--|
| Công ty CP Tập đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang: | | |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn – Xem thêm mục 4.2 | 97.129.176 | 42.129.176 |
| Phải trả dài hạn khác – Xem thêm mục 4.9 | (15.200.000.000) | (15.200.000.000) |
| | Tại ngày 30/06/2019 VND | Tại ngày 01/01/2019 VND |

Ông Nguyễn Từ Thiện, Giám đốc:

| | | |
|---|---------------|---------------|
| Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.9 | (840.000.000) | (490.000.000) |
|---|---------------|---------------|

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|-----------------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Từ Thiện, Giám đốc: | | |
| Tạm mượn | 350.000.000 | - |
| Thu nhập của Giám đốc được hưởng trong năm như sau: | | |
| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
| Thu nhập | 210.193.944 | 208.731.224 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÚ QUỐC

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Nguyễn Từ Thiện
Tổng Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Chí Cường
Kê toán trưởng